

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2024

“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Sơn Điền
- Ông Nguyễn Văn Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Anh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 536/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ 02, ấp H T, xã T T, thị xã T C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Khuru Văn T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 133, Tổ 04, ấp V T D, xã V H, thị xã T C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2023, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Khuru Văn T chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu theo giấy chứng nhận kết hôn số 144/2009, cấp ngày 17/8/2009.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến hay xảy ra cãi vã, anh T có quan hệ bất chính bên ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, từ đó không còn sống chung cho đến nay. Chị L cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Phạm Thị L và anh Khuru Văn T có một con chung tên: Khuru Quốc T, sinh ngày 10/7/2009, hiện đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Khuru Văn T thường trú tại: Tổ 04, ấp V T D, xã V H, thị xã T C, tỉnh An Giang, không thường xuyên sinh sống tại địa phương, mặc dù Tòa án không ghi được lời khai nhưng đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng do bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và đồng thời lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không có ý kiến.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan từ giai đoạn thụ L cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ L vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Khuru Văn T vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Khuru Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Khuru Quốc T, sinh ngày 10/7/2009 cho chị Phạm Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Khuru Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị L trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Khuru Văn T có địa chỉ cư trú tại: Tổ 04, ấp V T D, xã V H, thị xã T C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Anh Khuru Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Khuru Văn T sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu theo giấy chứng nhận kết hôn số 114/2009, cấp ngày 17/8/2009 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, hay xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét thấy, anh Khuru Văn T không có bản tự khai, mặc khác do anh T vắng mặt tại nơi cư trú, do đó Tòa án không ghi được lời khai của anh T nhưng theo biên bản xác minh, biên bản ghi lời khai ngày 19/01/2024 thì được biết chị L và anh T không còn sống chung từ năm 2019 đến nay, anh T hiện nay đang làm tài xế tại Thành phố Hồ Chí Minh, không về hòa giải vụ án được, mặc dù anh chị cũng tự hàn gắn tình cảm vợ chồng để sống chung lại với nhau nhưng không có kết quả, điều này cho thấy hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần cho chị L ly hôn với anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2009 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Thị L và anh Khuru Văn T không còn giá trị pháp L.

[2] Về con chung: chị Phạm Thị L và anh Khuru Văn T có một con chung tên: Khuru Quốc T, sinh ngày 10/7/2009, hiện nay đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, kể từ khi chị L và anh T không còn chung sống với nhau, cháu Khuru Quốc T do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và lo việc học hành, đã sinh sống ổn định với chị L. Mặc khác, anh T không thường xuyên sinh sống tại địa

phương. Do đó, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con, cần tạm giao cháu Khuru Quốc T cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu T.

[3] Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị L trình bày trong thời gian chung sống với anh Khuru Văn T không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung, nhưng do chưa ghi được lời khai của anh T, ngoài lời khai của chị L không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh giữa chị L và anh T trong thời gian sống chung có tạo lập được tài sản chung và nợ chung hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau này nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Khuru Văn T.
2. *Về con chung:* Giao cháu Khuru Quốc T, sinh ngày 10/7/2009 cho chị Phạm Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Khuru Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Khuru Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. *Về án phí:* Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007678 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Khuru Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn trên, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Hòa, TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Sang

